TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 07/2022/DS-ST;
Ngày 06-06 -2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Ngân
2. Bà Vũ Thị Hòa

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/06/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14 /2022/QĐST - DS ngày 04 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ông Hoàng Mạnh N

Địa chỉ: Số nhà 369, đường M, tổ 33,phường K, Thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn*: Chị Phạm Thị B

Địa chỉ: Tổ 16 (Tổ 24 cũ), phường K, Thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Mạnh N trình bày:

Do có quan hệ quen biết với chị Phạm Thị B nên tôi có nhiều lần cho chị Phạm Thị B vay tiền cụ thể những lần vay tiền theo giấy vay nợ là: Ngày 17/12/2018 tôi cho chị Nguyên vay số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thời hạn vay là 03 tháng. Ngày 17/09/2020 tôi cho chị Nguyên vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tổng hai khoản vay này ông Ngư và chị Nguyên thống nhất gộp vào là chị Nguyên vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thoả thuận thời hạn vay là 03 tháng. Ngày 17/05/2021 tôi cho chị Nguyên vay số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) cũng thống nhất trong giấy vay nợ gộp vào hai khoản vay trước là chị Nguyên nợ tôi số tiền là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) thoả thuận thời hạn vay là 03 tháng. Đến hết thời hạn trả nợ chị Phạm Thị B vẫn không trả được nợ có đến khất nợ tôi. Ngày 27/10/2021 chị Phạm Thị B có đến nhà tôi và viết giấy cam kết trả nợ số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) bằng hình thức mỗi tháng trả cho tôi là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc và không tính lãi suất thời hạn trả vào ngày 15 hàng tháng kể từ ngày 15/11/2021. Các khoản vay trên đều được chị Phạm Thị B tự tay viết giấy vay nợ và giấy cam kết được viết trong cùng một tờ giấy.

Ngoài giấy vay nợ trên thì ngày 17/06/2021 tôi có cho chị Phạm Thị B vay số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng), lãi suất theo thoả thuận, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 17/06/2021. Giấy vay nợ này cũng tự tay chị Phạm Thị B viết. Tổng hai giấy vay tiền chị Phạm Thị B nợ tôi số tiền là: 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng). Đến thời hạn trả nợ tôi đã gặp yêu cầu chị Phạm Thị B phải thanh toán khoản nợ cho tôi nhưng chị Nguyên khất nần không trả.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Hoàng Mạnh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị B phải thanh toán cho ông Hoàng Mạnh N số tiền nợ là : 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng). Tôi không yêu cầu chị Phạm Thị B phải trả tiền lãi suất.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật. Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điêu 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều

26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phạm Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ gốc là: 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng) cho nguyên đơn ông Hoàng Mạnh N.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Thành phố L đã ra thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông về việc tiếp cận công khai chứng cứ để tống đạt cho chị Phạm Thị B nhưng không tống đạt được cho chị Phạm Thị B với lý do chị Phạm Thị B vắng mặt tại địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2022 được ông Đinh Đại Dương là cảnh sát khu vực công an phường K, Thành phố L nơi chị Phạm Thị B có hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Phạm Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 16 (tổ 24 cũ), phường K, Thành phố L, tỉnh Lào Cai chưa chuyển khẩu hoặc đăng ký tạm trú đến địa phương khác và tại biên bản xác minh ngày 25/02/2022 được bà Nguyễn Thị Tâm là tổ trưởng tổ dân phố tổ 16 (tổ 24 cũ), phường K, Thành phố L cho biết: Chị Phạm Thị B có đăng ký hộ khẩu tại tổ 16 (tổ 24 cũ), phường K nhưng hiện nay không sinh sống tại địa phương chị Phạm Thị B đã vắng mặt tại địa phương từ khoảng đầu tháng 11 năm 2021 đến nay, khi đi không thông báo cho chính quyền địa phương, vì vậy tổ dân phố không biết chị Nguyên đi đâu, làm gì. Tòa án nhân dân Thành phố L đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của tòa án đối với bị đơn chị Phạm Thị B theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Phạm Thị B vắng mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai .Vì vậy,Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 288 - Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng vay tài sản: Ngày 17/12/2018 chị Phạm Thị B có viết giấy vay tiền của ông Hoàng Mạnh N số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trong giấy vay nợ không có thỏa thuận về lãi suất. Thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng. Đến ngày 17/09/2020 ông Hoàng Mạnh N cho chị Nguyên vay thêm số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tổng hai khoản vay này ông Ngư và chị Nguyên thống nhất gộp vào làm một là chị Nguyên vay của ông Ngư số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thoả thuận thời hạn vay là 03 tháng. Ngày 17/5/2021 ông Hoàng Mạnh N lại cho chị Phạm Thị B vay thêm số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) hai bên

thống nhất trong giấy vay nợ gộp cả hai khoản vay trước vào là chị Nguyên nợ ông Ngư số tiền là: 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) thoả thuận thời hạn vay là 03 tháng. Ngoài giấy vay nợ trên thì ngày 17/06/2021 ông Ngư có cho chị Phạm Thị B vay số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng), lãi suất theo thoả thuận, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 17/06/2021. Giấy vay nợ này cũng tự tay chị Phạm Thị B viết. Tổng hai giấy vay tiền chị Phạm Thị B nợ ông Ngư số tiền là: 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng). Do đó xác định nguyên đơn ông Hoàng Mạnh N khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Mạnh N: Do chị Phạm Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Mạnh N, nên việc ông Hoàng Mạnh N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị B phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Mạnh N số tiền 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng) là có căn cứ cần được chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Hoàng Mạnh N được chấp nhận nên chị Phạm Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Hoàng Mạnh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466, Điều 470 - Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Buộc chị Phạm Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Mạnh N số tiền 121.000.000đ (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong,bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 6.050.000đ (Sáu triệu không trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Mạnh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hoàng Mạnh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.025.000đ (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số 0001359 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hánh án dân sự Thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP Lào Cai;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- Lưu TA,VP,HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thanh Hương